

MA TRẬN, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1- CÔNG NGHỆ LỚP 11

1. MA TRẬN

Mạch nội dung	Chủ đề	Năng lực Công nghệ											Tổng	
		Nhận thức			Giao tiếp			Sử dụng			Đánh giá			
		Các cấp độ tư duy												
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu		VD
Giới thiệu chung về chăn nuôi	Vai trò và triển vọng của chăn nuôi	II.3a, b, d	II. 3c	I.2	I. 23, 24		I.3	I.22				I.4		10
	Vật nuôi và phương thức chăn nuôi	I.1, 8				I.19	I.5	I. 16				I.7		6
Công nghệ giống vật nuôi	Khái niệm và vai trò của giống trong chăn nuôi	I.9, 10	II. 1a, b	I.6						II.1c		II.1d		7
	Chọn giống vật nuôi	I.11, 12, 13				I.17				II.4a	II.4 b, d		II.4c	8
	Nhân giống vật nuôi	I.14, 15		II. 2a		I.21	II.2 b		I.18	II.2 c			II.2d	8
ý		12	3	3	2	3	3	2	3	3	0	3	3	40
Tổng		NT: 18(45%)			GT: 8(20%)			SD: 8(20%)			ĐG: 6(15%)		100%	
		Biết : 40% - Hiểu : 30% - Vận dụng : 30%											100%	

(I: Dạng TN nhiều phương án lựa chọn; II: Dạng câu TN đúng/sai)

2. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA (Định dạng giống đề TNPT)

PHẦN I. (6 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta?

- A. Chăn thả không tự do, chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp .
- B. Chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi không công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp.
- C. Chăn nuôi bán công nghiệp, chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bình thường.
- D. Chăn thả tự do, chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp.

Câu 2. Trang trại Marion Downs là một trong những trang trại lớn nhất thế giới, chứa 15000 con gà nhưng chỉ cần 15 nhân viên quản lý. Đó là nhờ

- A. sự chăm chỉ của nhân viên.
- B. kinh nghiệm quản lý của nhân công.
- C. năng lực quản lý tốt của nhân công.
- D. trang thiết bị hiện đại.

Câu 3. Ở những trang trại gà lấy trứng, người ta cho những quả trứng nghe nhạc để biến đổi giới tính của chú gà từ trong quả trứng. Những quả trứng cho nghe nhạc sẽ được đem đi ấp và nở ra gà mái. Nhờ đó hạn chế nở ra gà đực, hạn chế tiêu hủy những con gà đực. Thành tựu này là kết quả của

- A. công nghệ AI, IoT.
- B. công nghệ sinh học, nghiên cứu sinh học.
- C. công nghệ gen di truyền.
- D. công nghệ sản xuất.

Câu 4. Ý nào sau đây **không phải** là yêu cầu cơ bản đối với người lao động làm việc trong ngành chăn nuôi?

- A. Có kiến thức, kỹ năng về chăn nuôi và kinh tế.
- B. Có khả năng áp dụng công nghệ, vận hành các thiết bị công nghệ cao trong sản xuất, sản xuất.
- C. Có khả năng linh hoạt sáng tạo, giải quyết các vấn đề phát sinh trong khi sử dụng máy móc công nghệ cao.
- D. Chăm chỉ trong công việc.

Câu 5. Nhà Ông Sáu ở nông thôn, ông có một đàn gà 20 con. Em hãy đề xuất một phương thức chăn nuôi để ông Sáu nuôi gà hiệu quả?

- A. Chăn nuôi công nghiệp.
- B. Chăn nuôi bán công nghiệp.
- C. Chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp.
- D. Chăn thả tự do.

Câu 6. “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine”. Yếu tố nào sau đây quyết định sản lượng sữa?

- A. Giống vật nuôi quyết định đến sản lượng sữa.
- B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt
- C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao
- D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 7. Bà Tám muốn chuyển từ phương thức chăn thả tự do sang chăn nuôi bán công nghiệp. Điều nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Xây dựng chuồng trại và các trang thiết bị hiện đại.
- B. Thức ăn công nghiệp cho vật nuôi.
- C. Hướng tới 5 không cho động vật.
- D. Xây dựng chuồng trại phù hợp.

Câu 8. Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào là đặc điểm của chăn thả tự do?

- A. Tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp.
- B. Số lượng vật nuôi lớn, vật nuôi được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại.
- C. Mức đầu tư cao.
- D. Vật nuôi được nhốt trong lồng kết hợp sân vườn.

Câu 9. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi

- A. cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.
- B. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên.
- C. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.
- D. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

Câu 10. Vai trò của giống trong chăn nuôi?

- A. Các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau.
- B. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.
- C. Có một số lượng cá thể không ổn định.
- D. Giống quyết định năng suất chăn nuôi.

Câu 11. Các phương pháp chọn giống vật nuôi gồm

- A. chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể.
- B. chọn lọc cá thể và chọn lọc tự do.
- C. chọn lọc hàng loạt và chọn lọc tự do.
- D. chọn lọc hàng loạt và không hàng loạt.

Câu 12. Các tiêu chí cơ bản để chọn giống vật nuôi ?

- A. Ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục và khả năng sản xuất.
- B. Khả năng sinh trưởng, phát dục.
- C. Khả năng sinh sản.
- D. Ngoại hình, thể chất, năng suất, sinh sản và chất lượng sản phẩm.

Câu 13. Thể chất là

- A. mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật.
- B. sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.
- C. đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống.
- D. đặc điểm thích nghi của con vật trong những điều kiện sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật.

Câu 14. Nhân giống vật nuôi gồm

- A. nhân giống thuần chủng và lai giống.
- B. lai xa và lai cải tạo.
- C. thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm
- D. nhân giống thuần chủng và lai cải tạo.

Câu 15. Tùy theo mục đích sử dụng, thường sử dụng phương pháp lai nào sau đây?

- A. Lai kinh tế và lai cải tạo.
- B. Lai kinh tế, lai xa và lai cải tạo.
- C. Lai kinh tế, lai xa và nhân giống thuần chủng.
- D. Lai giống, lai xa và lai cải tạo.

Câu 16. Từ động vật hoang dã trở thành vật nuôi, động vật trải qua quá trình

- A. cho ăn.
- B. huấn luyện.
- C. thuần hóa.
- D. chọn lọc.

Câu 17. Trong các loài vật dưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập?

- A. Vịt Bầu.
- B. Lợn Í.
- C. Bò Red Sindhi.
- D. Gà Đông Tảo

Câu 18. Nội dung nào **không** phải là mục đích của nhân giống thuần chủng?

- A. Phát triển, khai thác ưu thế lai của các giống vật nuôi nội
- B. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với giống mới gây thành.
- C. Bảo tồn các giống các giống vật nuôi quý hiếm
- D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

Câu 19. Nội dung nào **không** phải là phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta?

- A. Chăn thả tự do.
- B. Chăn nuôi công nghiệp.
- C. Chăn nuôi bán công nghiệp.
- D. Chăn nuôi cơ giới hóa.

Câu 20. “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp” giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?

- A. Lai cải tiến.
- B. Lai kinh tế.
- C. Lai thuần chủng.
- D. Lai xa.

Câu 21. Nội dung nào **không** phải là mục đích của nhân giống thuần chủng?

- A. Phát triển, khai thác ưu thế lai của các giống vật nuôi nội.
- B. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với giống mới gây thành.
- C. Bảo tồn các giống các giống vật nuôi quý hiếm.
- D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống.

Câu 22. Sản phẩm của ngành chăn nuôi gồm

- A. thịt gà, thịt bò và trứng vịt.
- B. thịt bò, thịt heo sữa đậu xanh.
- C. sữa đậu nành, thịt bò và trứng vịt.
- D. trứng vịt và lúa.

Câu 23. Loại máy có thể thay thế trâu trong canh tác là

- A. máy cày.
- B. máy xúc.
- C. máy tuốt lúa.
- D. máy bơm.

Câu 24. Ở một số trang trại, người ta cho bò nghe nhạc để bò

- A. sống khỏe và lâu hơn.
- B. có thể kháng lại một số bệnh thông thường.
- C. tiết sữa nhiều hơn và chất lượng tốt hơn.
- D. phát triển nhanh hơn.

PHẦN II.(4 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Bảng chất lượng sản phẩm chăn nuôi của một số giống vật nuôi:

Giống	Chất lượng sản phẩm chăn nuôi
Lợn Móng Cái	Tỉ lệ nạc khoảng 32-35%
Lợn Landrace	Tỉ lệ nạc khoảng 54-56%
Bò sữa Hà Lan	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 3,2- 3,7%
Bò Nâu Thụy Sĩ	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 3,5- 4,0 %
Bò Red Sindhi	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 4,0- 4,5%

(Nguồn : Lưu Chí Thắng (2009). Giáo trình Cơ sở chăn nuôi, NXB Giáo dục)

- a. Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi.
- b. Giống có ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi.
- c. Lợn Móng Cái là vật nuôi bản địa.
- d. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi là điều kiện để công nhận giống vật nuôi.

Câu 2. Cho ví dụ: Cho lai giữa ngựa cái và lừa đực cho ra con lai là con la.

- a. Con la có sự khác biệt về nhiễm sắc thể giữa 2 loài khởi đầu nên thường bất thụ.
- b. Con la tạo ra với mục đích duy trì nội giống.
- c. Con la có sức kéo và sức chịu đựng cao hơn cả ngựa và lừa.
- d. Phép lai trên là lai kinh tế.

Câu 3. Mỗi nhận định sau là đúng hay sai khi nói về vai trò của chăn nuôi?

- a. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
- b. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- c. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.
- d. Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

Câu 4. Mỗi phát biểu sau là đúng hay sai khi nói về phương pháp chọn lọc hàng loạt?

- a. Chọn những gà trống to, khỏe mạnh trong đàn để làm giống.
- b. Chọn trong đàn những con trâu “ Sừng cành ná, dạ bình vôi, mắt óc nhò, tai lá mít, đít lông bàn ...” để làm giống.
- c. Loại thải những con “ gà trắng, chân chì ”, để lại những con “ mình đen, chân trắng ” để làm giống.
- d. Chọn những con lợn nái tốt (sinh ra từ cặp bố mẹ đã lựa chọn), sau 1 đến 2 lứa đẻ, nếu con nào đẻ nhiều con, các con sinh trưởng, phát dục tốt thì giữ con lợn đó để làm giống.

..... **Hết**

Mã đề 111

Họ và tên thí sinh:.....Lớp.....SBD.....

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tùy theo mục đích sử dụng, thường sử dụng phương pháp lai nào sau đây?

- A. Lai giống, lai xa và lai cải tạo.
- B. Lai kinh tế, lai xa và nhân giống thuần chủng.
- C. Lai kinh tế và lai cải tạo.
- D. Lai kinh tế, lai xa và lai cải tạo.

Câu 2. Các tiêu chí cơ bản để chọn giống vật nuôi ?

- A. Ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục và khả năng sản xuất.
- B. Khả năng sinh sản.
- C. Khả năng sinh trưởng, phát dục.
- D. Ngoại hình, thể chất, năng suất, sinh sản và chất lượng sản phẩm.

Câu 3. Các phương pháp chọn giống vật nuôi gồm

- A. chọn lọc hàng loạt và không hàng loạt.
- B. chọn lọc cá thể và chọn lọc tự do.
- C. chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể.
- D. chọn lọc hàng loạt và chọn lọc tự do.

Câu 4. Từ động vật hoang dã trở thành vật nuôi, động vật trải qua quá trình

- A. thuần hóa.
- B. huấn luyện.
- C. cho ăn.
- D. chọn lọc.

Câu 5. “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine”. Yếu tố nào sau đây quyết định sản lượng sữa?

- A. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- B. Giống vật nuôi quyết định đến sản lượng sữa.
- C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao
- D. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt

Câu 6. Ở những trang trại gà lấy trứng, người ta cho những quả trứng nghe nhạc để biến đổi giới tính của chú gà từ trong quả trứng. Những quả trứng cho nghe nhạc sẽ được đem đi ấp và nở ra gà mái. Nhờ đó hạn chế nở ra gà đực, hạn chế tiêu hủy những con gà đực. Thành tựu này là kết quả của

- A. công nghệ sản xuất.
- B. công nghệ sinh học, nghiên cứu sinh học.
- C. công nghệ gen di truyền.
- D. công nghệ AI, IoT.

Câu 7. Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào là đặc điểm của chăn thả tự do?

- A. Tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp.
- B. Số lượng vật nuôi lớn, vật nuôi được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại.
- C. Mức đầu tư cao.
- D. Vật nuôi được nhốt trong lồng kết hợp sân vườn.

Câu 8. Ý nào sau đây **không phải** là yêu cầu cơ bản đối với người lao động làm việc trong ngành chăn nuôi?

- A. Có kiến thức, kỹ năng về chăn nuôi và kinh tế.
- B. Có khả năng áp dụng công nghệ, vận hành các thiết bị công nghệ cao trong sản xuất, sản xuất.
- C. Chăm chỉ trong công việc.
- D. Có khả năng linh hoạt sáng tạo, giải quyết các vấn đề phát sinh trong khi sử dụng máy móc công nghệ cao.

Câu 9. Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta?

- A. Chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi không công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp.
- B. Chăn nuôi bán công nghiệp, chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bình thường.
- C. Chăn thả tự do, chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp.
- D. Chăn thả không tự do, chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp .

Câu 10. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi

- A. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.
- B. cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của con người.
- C. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của máy móc.
- D. cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên.

Câu 11. Thể chất là

- A. mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật.
- B. sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.
- C. đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống.
- D. đặc điểm thích nghi của con vật trong những điều kiện sống và di truyền nhất định có liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật.

Câu 12. Bà Tám muốn chuyển từ phương thức chăn thả tự do sang chăn nuôi bán công nghiệp. Điều nào sau đây là quan trọng nhất?

- A. Xây dựng chuồng trại và các trang thiết bị hiện đại.
- B. Xây dựng chuồng trại phù hợp.
- C. Hướng tới 5 không cho động vật.
- D. Thức ăn công nghiệp cho vật nuôi.

Câu 13. Nhà Ông Sáu ở nông thôn, ông có một đàn gà 20 con. Em hãy đề xuất một phương thức chăn nuôi để ông Sáu nuôi gà hiệu quả?

- A. Chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi bán công nghiệp.
- B. Chăn nuôi bán công nghiệp.
- C. Chăn thả tự do.
- D. Chăn nuôi công nghiệp.

Câu 14. Vai trò của giống trong chăn nuôi?

- A. Có một số lượng cá thể không ổn định.
- B. Các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau.
- C. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.
- D. Giống quyết định năng suất chăn nuôi.

- Câu 15.** Nhân giống vật nuôi gồm
- A. nhân giống thuần chủng và lai cải tạo.
 - B. lai xa và lai cải tạo.
 - C. nhân giống thuần chủng và lai giống.
 - D. thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm.
- Câu 16.** Trang trại Marion Downs là một trong những trang trại lớn nhất thế giới, chứa 15000 con gà nhưng chỉ cần 15 nhân viên quản lý. Đó là nhờ
- A. sự chăm chỉ của nhân viên.
 - B. kinh nghiệm quản lý của nhân công.
 - C. năng lực quản lý tốt của nhân công.
 - D. trang thiết bị hiện đại.
- Câu 17.** Nội dung nào **không** phải là mục đích của nhân giống thuần chủng?
- A. Bảo tồn các giống các giống vật nuôi quý hiếm.
 - B. Phát triển, khai thác ưu thế lai của các giống vật nuôi nội.
 - C. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với giống mới gây thành.
 - D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống.
- Câu 18.** Ở một số trang trại, người ta cho bò nghe nhạc để bò
- A. có thể kháng lại một số bệnh thông thường.
 - B. tiết sữa nhiều hơn và chất lượng tốt hơn.
 - C. sống khỏe và lâu hơn.
 - D. phát triển nhanh hơn.
- Câu 19.** Nội dung nào **không** phải là phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta?
- A. Chăn nuôi cơ giới hóa.
 - B. Chăn nuôi bán công nghiệp.
 - C. Chăn nuôi công nghiệp.
 - D. Chăn thả tự do.
- Câu 20.** Nội dung nào **không** phải là mục đích của nhân giống thuần chủng?
- A. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với giống mới gây thành.
 - B. Bảo tồn các giống các giống vật nuôi quý hiếm.
 - C. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống.
 - D. Phát triển, khai thác ưu thế lai của các giống vật nuôi nội
- Câu 21.** Trong các loài vật dưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập?
- A. Gà Đông Tảo
 - B. Vịt Bầu.
 - C. Bò Red Sindhi.
 - D. Lợn Í.
- Câu 22.** Sản phẩm của ngành chăn nuôi gồm
- A. trứng vịt và lúa.
 - B. sữa đậu nành, thịt bò và trứng vịt.
 - C. thịt gà, thịt bò và trứng vịt.
 - D. thịt bò, thịt heo sữa đậu xanh.
- Câu 23.** Loại máy có thể thay thế trâu trong canh tác là
- A. máy bơm.
 - B. máy tuốt lúa.
 - C. máy cày.
 - D. máy xúc.
- Câu 24.** “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp” giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?
- A. Lai xa.
 - B. Lai thuần chủng.
 - C. Lai cải tiến.
 - D. Lai kinh tế.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Bảng chất lượng sản phẩm chăn nuôi của một số giống vật nuôi:

Giống	Chất lượng sản phẩm chăn nuôi
Lợn Móng Cái	Tỉ lệ nạc khoảng 32-35%
Lợn Landrace	Tỉ lệ nạc khoảng 54-56%
Bò sữa Hà Lan	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 3,2- 3,7%
Bò Nâu Thụy Sĩ	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 3,5- 4,0 %
Bò Red Sindhi	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 4,0- 4,5%

(Nguồn : Lưu Chí Thống (2009). *Giáo trình Cơ sở chăn nuôi*, NXB Giáo dục)

- Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi.
- Giống có ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi.
- Lợn Móng Cái là vật nuôi bản địa.
- Chất lượng sản phẩm chăn nuôi là điều kiện để công nhận giống vật nuôi.

Câu 2. Cho ví dụ: Cho lai giữa ngựa cái và lừa đực cho ra con lai là con la.

- Con la có sự khác biệt về nhiễm sắc thể giữa 2 loài khởi đầu nên thường bất thụ.
- Con la tạo ra với mục đích duy trì nòi giống.
- Con la có sức kéo và sức chịu đựng cao hơn cả ngựa và lừa.
- Phép lai trên là lai kinh tế.

Câu 3. Mỗi nhận định sau là đúng hay sai khi nói về vai trò của chăn nuôi?

- Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.
- Cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

Câu 4. Mỗi phát biểu sau là đúng hay sai khi nói về phương pháp chọn lọc hàng loạt?

- Chọn những gà trống to, khỏe mạnh trong đàn để làm giống.
- Chọn trong đàn những con trâu “ Sừng cành ná, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi, tai lá mít, đít lông bàn ...” để làm giống.
- Loại thải những con “ gà trắng, chân chì ”, để lại những con “ mình đen, chân trắng ” để làm giống.
- Chọn những con lợn nái tốt (sinh ra từ cặp bố mẹ đã lựa chọn), sau 1 đến 2 lứa đẻ, nếu con nào đẻ nhiều con, các con sinh trưởng, phát dục tốt thì giữ con lợn đó để làm giống.

----- **HẾT** -----

PHẦN I. (6 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn, Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24 (mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm)

Câu	Mã đề			
	111	112	113	114
1	D	A	D	B
2	A	B	A	C
3	C	C	D	B
4	A	D	B	B
5	B	D	D	A
6	B	B	A	D
7	A	B	D	A
8	D	C	A	C
9	C	D	B	D
10	A	A	C	D
11	D	B	B	A
12	A	A	C	D
13	C	C	B	A
14	D	C	D	A
15	C	A	C	B
16	D	A	C	D
17	D	C	C	A
18	B	D	D	D
19	A	C	C	C
20	C	C	D	D
21	C	C	D	D
22	C	D	C	B
23	C	B	B	A
24	A	C	D	A

PHẦN II.(4 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4 , trong mỗi ý a),b),c),d) ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai .

Học sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm

Học sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm

Học sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm

Học sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Mã đề			
	111	112	113	114
1	a) đúng b) đúng c) sai d) sai	a) đúng b) đúng c) đúng d) sai	a) đúng b) đúng c) sai d) sai	a) đúng b) đúng c) đúng d) sai
2	a) đúng b) sai c) đúng d) sai	a) sai b) đúng c) đúng d) sai	a) đúng b) sai c) đúng d) sai	a) sai b) đúng c) đúng d) sai
3	a) đúng b) đúng c) sai d) đúng	a) đúng b) sai c) đúng d) đúng	a) đúng b) đúng c) sai d) đúng	a) đúng b) sai c) đúng d) đúng
4	a) đúng b) đúng c) đúng d) sai	a) đúng b) đúng c) sai d) sai	a) đúng b) đúng c) đúng d) sai	a) đúng b) đúng c) sai d) sai

----- Hết -----